

KHẢO CỨU NIÊN ĐẠI VÀ CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRONG VĂN BẢN NẠI TỬ XÃ THẦN MIẾU SỰ TÍCH 奈子社神廟事跡

Nguyễn Diệu Huyền
Trường Đại học Tây Bắc

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 21/02/2024
Ngày nhận đăng: 24/5/2024
Email: nguyendieuhuyen@utb.edu.vn

Từ khoá: niên đại, nhân vật lịch sử, văn bản học, văn bản thần tích, thần tích xã Nại Tử.

TÓM TẮT

Văn bản Nại Tử xã thần miếu sự tích 奈子社神廟事跡 có nội dung ghi chép liên quan đến nhiều thời đại và nhân vật lịch sử Việt Nam: từ thời Bắc thuộc Đông Hán - Hán Quang Vũ (25 – 57), thời Hai Bà Trưng (40 - 43), thời Hậu Lê - Lê Thánh Tông (1460-1497), cho đến thời Bảo Đại (1925 - 1945) là ông vua cuối cùng của nhà Nguyễn. Từ những mốc niên đại, nhân vật lịch sử được khảo cứu, chúng ta có thêm những thông tin về lai lịch, cuộc đời và công cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù phương Bắc của Hai Bà Trưng; thấy được sự trân trọng, lòng biết ơn đối với các nhân vật lịch sử của các triều đại nhà Hậu Lê, nhà Nguyễn. Những niên đại và nhân vật được nói đến chính là sự khẳng định giá trị lịch sử, văn hóa, văn học... của văn bản.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thần tích, Sắc phong được xem là những di sản văn hóa độc đáo, có ý nghĩa quan trọng về khoa học, lịch sử, văn hóa, mỹ thuật và nghệ thuật. Khi tìm hiểu về các sắc phong, chúng ta có thêm những hiểu biết quý giá về địa lý, lịch sử, văn hóa dân gian, giá trị về đặc trưng của thư pháp Hán Nôm và sự biến đổi qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó, Thần tích là những tư liệu ghi chép về hành trạng các nhân vật lịch sử địa phương với những giai thoại, chuyện kể liên quan đến các nhân vật... Sắc phong là những văn bản do nhà vua ra lệnh soạn thảo để phong chức tước cho quý tộc, quan chức của các vương triều và sắc phong thần phong tặng cho các vị thần được thờ ở trong đình, đền, miếu, từ đường... Đồng thời, các văn bản Sắc phong có đặc điểm là phải diễn ra các nghi thức, có sự tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp của nhà vua, phản ánh hệ thống hành chính với những địa danh và đơn vị hành chính mang niên đại cụ thể, thể hiện vai trò tối thượng của nhà vua trong việc trị vì muôn dân và cai quản cả thế giới thần linh, kết hợp với các tín ngưỡng và đời sống tâm linh trong các lễ hội dân gian cũng như sinh hoạt văn hóa của làng, xã. Văn bản Nại Tử xã thần miếu sự tích (Sự tích miếu thần xã Nại Tử) là văn bản chữ Hán ghi chép thần tích về bà Trưng Trắc cùng chồng là Dương Thi Sách. Văn bản có nguyên gốc tại làng Nại Tử (xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng,

tỉnh Hà Tây, nay thuộc Hà Nội). Từ năm 1975, người dân làng Nại Tử lên xây dựng vùng kinh tế mới tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Đến năm 1976, có 27 hộ dân gốc làng Nại Tử đã chuyển đền thờ Hai Bà Trưng lên xã Chiềng Khương, Sông Mã¹. Văn bản 奈子社神廟事跡 cùng nhiều di vật lịch sử khác cũng theo ngôi đền di dời và lưu giữ tại nơi đây. Trong quá trình khảo cứu văn bản, chúng tôi thấy có một phần nội dung ghi lại 6 bản Sắc phong đã từng được giới thiệu trong bài viết Sắc phong triều Nguyễn tại đền thờ Hai Bà Trưng ở xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La². Ngoài ra, nội dung chính của văn bản là thần tích về Bà Trưng Trắc cùng chồng với nhiều thông tin về các niên đại, nhân vật lịch sử, cùng bản sắc phong khác chưa từng được nói đến. Vậy đó là những niên đại, các nhân vật và sắc phong nào? Những mốc niên đại và nhân vật lịch sử đó được ghi chép ra sao? Chúng có ý nghĩa lịch sử và giá trị văn bản học như thế nào? Bằng phương pháp nghiên cứu văn bản học, phương pháp nghiên cứu văn học sử,

¹ Ban chấp hành Đảng bộ xã Chiềng Khương (2006), *Lịch sử Đảng bộ xã Chiềng Khương*, Tập I (1945 – 2005), trang 11.

² Lê Văn Minh, Lò Ngọc Diệp (2020), *Sắc phong triều Nguyễn tại đền thờ Hai Bà Trưng ở xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La*, Kỷ yếu Hội thảo, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2020*, Nxb Thế Giới, trang 143-153.

phương pháp truyền tích học, phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp chúng tôi tiến hành “Khảo cứu niên đại và các nhân vật lịch sử trong văn bản *Nại Tử xã thần miếu sự tích* 奈子社神廟事跡” để làm sáng tỏ những vấn đề trên.

2. NỘI DUNG CHÍNH

Văn bản 奈子社神廟事跡 *Nại Tử xã thần miếu sự tích* được viết bằng chất liệu giấy màu vàng, kẻ dòng bạc, có trang trí hoa văn tinh tế ở lề bên trên. Chữ viết bằng mực màu đen. Về số lượng, văn bản có 26 trang cả bìa. Những trang bìa (theo như hiện trạng) bên ngoài không có chữ viết. Nội dung văn bản được bắt đầu từ trang thứ 2 đến trang thứ 25. Các trang văn bản vẫn còn giữ được giữ nguyên: màu mực, chữ viết, chất liệu, các họa tiết hoa văn trên giấy...



(Hình ảnh: trang 01 và 03 của văn bản 奈子社神廟事跡)

Trải qua thời gian dài lưu trữ, văn bản này đã được người dân địa phương đóng thêm lớp bìa bên ngoài bằng chất liệu giấy mới để bảo quản. Trong văn bản, ngoài chữ Hán được ghi chép chính cịn có số thứ tự các trang được người dân bổ sung thêm bằng các chữ số 1,2,3...đến 25 để ghi lại thứ tự trang văn bản. Tuy nhiên, số trang bị đánh ngược, chuyển đầu thành cuối. Hơn nữa, khi dịch văn bản, chúng tôi thấy nội dung thứ tự các trang từ 25 đến 10 bị đảo lộn trang ở những trang trong cùng một tờ. Chẳng hạn, ở hai trang 23 và 22 như thứ tự người lưu giữ đánh số, thì đúng ra nội dung tiếp theo phải là ở trang 22 trước rồi mới đến nội dung trang 23. Lỗi này cũng tương tự với các

trang 25, 24; 21, 20; 19, 18; 17, 16; 15, 14; 13, 12; 11,10. Có thể do cuốn sách bị bung, khi đóng lại thì các trang đã bị đảo lộn ngược nên dẫn đến sự sắp xếp lộn lộn này. Những sai sót này cần được chỉnh sửa để đưa văn bản về đúng với trình tự nội dung và thứ tự trang văn bản. Về hình thức ghi chép, văn bản được viết tay theo lối chữ Chân, rõ ràng, dễ đọc. Các dòng kẻ giấy được viết theo chiều dọc, đọc từ trên xuống, từ phải sang trái. Một trang có 6 dòng. Một dòng có số lượng chữ tùy theo nội dung ghi chép của văn bản. Về nội dung, văn bản *Nại Tử xã thần miếu sự tích* nói đến nhiều mốc thời gian và các nhân vật lịch sử khác nhau từ thời Bắc thuộc, thời Lê, thời Nguyễn. Để tiện cho việc khảo cứu chúng tôi chia nội dung chính ra làm 2 phần: 1/ Những mốc thời gian trong văn bản (niên đại ban Sắc phong và niên đại ghi chép thần tích); 2/ Các nhân vật được ghi chép trong văn bản (các nhân vật trong thần tích và các nhân vật ban sắc phong).

2.1. Những mốc thời gian trong văn bản

Những mốc thời gian trong văn bản ứng với niên đại ban Sắc phong (từ triều Lê, Nguyễn) và niên đại trong thần tích Trung Trắc và Dương Thi Sách (đó cũng là các mốc thời gian xảy ra sự kiện của các nhân vật thời Bắc thuộc Đông Hán lần 1, thời Hai Bà Trưng). Vì vậy, các mốc thời gian trong văn bản được chúng tôi chia thành các mốc thời gian ban tặng Sắc phong và các mốc thời gian được ghi trong Thần tích.

2.1.1. Niên đại ban Sắc phong

Theo trình tự ghi chép trong văn bản *Nại Tử xã thần miếu sự tích* chúng tôi tiến hành khảo cứu các niên đại ban Sắc phong. Các mốc thời gian ban tặng Sắc phong đều được ghi chép rất rõ ràng, cụ thể gắn liền với tên tuổi, triều đại và niên hiệu của các vị vua thời phong kiến Việt Nam. Các mốc thời gian được khảo sát, thống kê trong bảng dưới đây:

Bảng 2.1: Bảng thống kê thời gian ban Sắc phong

STT	Chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa	Trang văn bản	Ghi chú
1.	保大拾叁年 陸月初陸日	Bảo Đại thập tam niên lục nguyệt sơ lục nhật	Ngày mùng 06 tháng 06 năm Bảo Đại thứ 13 (1938)	1	Ban Sắc phong lần thứ 7 triều Nguyễn
2.	洪德	Hồng Đức (1470)	Niên hiệu Hồng Đức. Tức đời Lê Thánh Tông (1460 - 1497)	14	Ban Sắc phong thời Hồng Đức
3.	嗣德陸年 正月拾壹日.	Tự Đức lục niên Chính nguyệt thập	Ngày 11 tháng Giêng năm Tự Đức thứ 6	17	Ban Sắc phong lần thứ 1 triều

		nhất nhật.	(1853).		Nguyễn
4.	嗣德拾年 拾貳月初陸 日。	Tự Đức thập niên thập nhị nguyệt sơ lục nhật.	Ngày mùng 6 tháng 12 năm Tự Đức thứ 10 (1857).	18	Ban Sắc phong lần thứ 2 triều Nguyễn
5.	嗣德參拾 參年拾壹月 貳拾肆日。	Tự Đức tam thập tam niên thập nhất nguyệt nhị thập tứ nhật.	Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880).	19	Ban Sắc phong lần thứ 3 triều Nguyễn
6.	同慶貳年 柒月初壹 日。	Đồng Khánh nhị niên thất nguyệt sơ nhất nhật.	Ngày mùng 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887)	21	Ban Sắc phong lần thứ 4 triều Nguyễn
7.	維新參年 捌月拾壹 日。	Duy Tân tam niên bát nguyệt thập nhất nhật.	Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (1909).	23	Ban Sắc phong lần thứ 5 triều Nguyễn
8.	啟定玖年 柒月貳拾五 日。	Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924).	25	Ban Sắc phong lần thứ 6 triều Nguyễn

Như vậy, có tất cả 8 mốc thời gian, ứng với 8 lần ban Sắc phong. Trong đó, một lần ban Sắc phong thời Lê Thánh Tông với nội dung được sao chép lại trong Thần tích như sau:

述聖宗育於龍慶寺少時。徵女常有顯應翊運扞患餘災扶持之德。故至洪德贈懿德柔和貞靜粹美宮妃皇后嶺洲大王。使各庄坊奉祀不可夷改。其廟多立江上，億年彌仰，而彌高萬代。敬年年，香火世世。

Dịch nghĩa:

“Nghe kể lại, thừa nhỏ Thánh Tông được nuôi ở chùa Long Khánh. Trưng vương thường che chở, bảo vệ khỏi nhiều điều tai họa, đức độ được phù hộ. Đến năm Hồng Đức, ban tặng ý đức, nhu hòa, trinh tẫn, túy mỹ *Cung phi Hoàng hậu Lĩnh Châu Đại vương*. Sai trạng phùng thờ cúng không được di dời thay đổi. Miếu của bà được lập nhiều nơi trên sông, sự yên ổn được bồi đắp, mà bồi đắp ngày càng cao muôn đời. Càng lưu truyền, càng thêm tôn kính hàng năm, hương hỏa đời đời.”

Có 07 bản Sắc phong do triều đình nhà Nguyễn ban tặng cho các vị thần. Trong số 07 Sắc phong này có 06 bản Sắc phong được lưu giữ nguyên bản tại địa phương. Bản Sắc phong lần thứ 7 ban cùng với thời gian ghi chép Thần tích chưa rõ hiện trạng. Mặt khác, căn cứ vào nội dung bản Sắc phong thứ nhất: “Sắc ban cho Nai Tử Thành hoàng chi thần, vốn được tặng mỹ tự là Bảo an Chính trực Hưu thiện chi thần, cứu nước giúp dân rất là linh ứng”, thì đây là tên của Thành hoàng đã được ban tặng. Như vậy, ngoài những lần Sắc phong đã có trong

văn bản sẽ phải có lần ban Sắc phong khác trước đó.

Trong thời kì trung đại Việt Nam, Sắc phong là văn bản hành chính cấp cao của vương triều phong kiến do hoàng đế ban bố và thưởng cấp cho thần dân trăm họ, để phong tặng, tặng thưởng về hàm tước, quan vị, vật hạng, thần hiệu và mỹ tự... Sắc phong thường có 2 loại: Sắc phong thần và Sắc phong chức tước. Các Sắc phong được ghi chép trong văn bản thuộc loại Sắc phong thần: đây là loại sắc phong dùng để xác nhận phong thần, do nhà vua phong tặng và xếp hạng cho các vị thần (nhiên thần và nhân thần) được thờ cúng trong các đình làng, họ tộc. Các Sắc phong nói chung và Sắc phong thời Nguyễn nói riêng là một trong các loại tài liệu mang tính chất văn bản hành chính của các triều đại quân chủ Việt Nam, có vị trí quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa Hán Nôm nước ta. Các văn bản này thuộc loại tư liệu quý hiếm này đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ hư hỏng, mất mát, nhiều giá trị lịch sử, văn hóa của nó chưa được nhận thức một cách đúng đắn. Chính vì vậy, việc khẳng định ý nghĩa lịch sử và giá trị văn bản sẽ góp phần làm tăng nhận thức về một loại hình di sản văn hóa có giá trị lớn và phản ánh được nhiều mặt về những đời sống văn hóa, tín ngưỡng, kinh tế và xã hội của cộng đồng dân cư địa phương.

2.1.2. Niên đại trong thần tích

Chúng tôi thấy, thời gian trong thần tích là thời gian xảy ra ứng với lai lịch, cuộc đời và sự kiện của các nhân vật được nói đến trong thần tích. Chúng tôi đã khảo sát, thống kê được các mốc thời gian lần lượt từ trang 5 đến trang 14 như sau:

Bảng 2.2: Bảng thống kê các mốc thời gian liên quan đến lai lịch nhân vật trong Thần tích

STT	Chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa	Trang văn bản	Chú giải
Nhân vật Trưng Trắc					
1.	東漢光武時	Đông Hán Quang Vũ thời	Thời Đông Hán Quang Vũ	5	Trưng Trắc sống ở thời Đông Hán Quang Vũ (25 - 57)
2.	正月十二日	Chính nguyệt thập nhị nhật	Ngày 12 tháng 1	5	Hai vợ chồng Lạc tướng Trương Nghĩ Dũng và vợ là Hoàng Thị Đào nói chuyện mong muốn có đứa con nối dõi
3.	四月初九日	Tứ nguyệt sơ cửu nhật	Ngày mùng 09 tháng 04	6	Ngày hai vợ chồng Lạc tướng đi thăm chùa Hương Tích đêm về mơ gặp thần nhân dắt theo tiên nữ cho xuống làm con ông bà.
4.	至初十日丑牌生一生	Chí sơ thập nhật Sửu bài sinh nhất sinh	Đến giờ Sửu, ngày mùng 10 sinh con	8	Ngày Trưng Trắc ra đời
5.	生四月初九初十等日。化六月十一日	Sinh tứ nguyệt sơ cửu sơ thập đẳng nhật. Hóa lục nguyệt thập nhất nhật	Sinh ngày mùng 09 tháng 04. Mất ngày 11 tháng 06	14	Dân làng Nại Tử lấy ngày sinh và mất của Trưng Trắc để phụng sự thờ cúng
Nhân vật Thi Sách					
6.	生六月初十日	Sinh lục nguyệt sơ thập nhật	Sinh ngày mùng 10 tháng 06	9	Ngày sinh của Dương Thi Sách (cha là Dương Thái Bình, mẹ là Hồ Thị Như)
7.	十一月初十日	Thập nhất nguyệt sơ thập nhật	Ngày mùng 10 tháng 11	9	Ngày Thi Sách cưới Trưng Trắc về làm vợ
8.	十二月十一日化	Thập nhị nguyệt thập nhất nhật hóa	Mất ngày 11 tháng 12	10	Dương Thi Sách bị Tô Định giết hại

Căn cứ vào các mốc thời gian được ghi chép trong Thần tích, chúng tôi thấy có những năm xảy ra sự kiện nhân vật ứng với tên nhân vật và thời đại được ghi chép rõ ràng trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nhưng cũng có những năm chỉ mang tính chất ước đoán dựa trên những dữ liệu lịch sử ít ỏi.

Chẳng hạn, có những mốc thời gian có thể xác định rõ ràng như:

Mốc thứ nhất, ở trang thứ 5 trong văn bản ghi “*Tích Đông Hán Quang Vũ thời*” (Xưa thời Đông Hán Quang Vũ), thời Đông Hán Quang Vũ, tức Hán Quang Vũ Lưu Tú Kiến Vũ tri vì từ năm 25 đến khi mất là năm 57, tổng cộng 32

năm³. “Năm Kỉ Hợi (39) (tức năm Hán Quang Vũ Lưu Tú Kiến Vũ năm thứ 15). Thái thú Giao Chỉ là Tô Định chính lệnh tham bao. Trưng nữ Vương dấy binh đánh” [9,tr.70]. Đây là thời Trưng Trắc sống và cũng là thời kì Bắc thuộc lần thứ Nhất của Việt Nam.

Nhưng có những mốc thời gian liên quan đến lai lịch cuộc đời các nhân vật chỉ có ghi ngày, tháng, còn năm liên quan thì chỉ có thể ước đoán. Chẳng hạn như ở những trang ghi chép về sự ra đời của bà Trưng Trắc:

Ở trang thứ 5 trong văn bản ghi: 有俗矣, 時貉將年四十二, 夫人年四十三歲而

3

https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A1n_Quang_V%C5%A9_%C4%90%E1%BA%BF

未有生養。何時於正月十二日徵公謂黃夫人曰。非富有四海然，不爲貧，非壽如岐山，亦不爲夭矣。惟以有嗣子。Hữu tục hĩ thời, Lạc tướng niên tứ thập nhị, phu nhân niên tứ thập tam tuế nhi vị hữu sinh dưỡng. Hà thời ư chính nguyệt thập nhị nhật, Trưng công vị Hoàng phu nhân viết: Phi phú hữu tứ hại nhiên, bất vi bản, phi thọ như Kì Sơn, diệc bất vi yếu hĩ. Duy dĩ vị hữu tự tử. (Dịch nghĩa: Có tục truyền, năm Lạc tướng 42 tuổi, vợ 43 tuổi mà chưa sinh con. Lúc bấy giờ, ngày mười hai tháng giêng, Trưng công nói với Hoàng phu nhân rằng: Không giàu có bốn bề, không vì nghèo, không thọ như núi Kì Sơn, cũng không vì chết yếu, chỉ lấy làm buồn vì chưa có con cái nối dõi).

Ở trang thứ 6 văn bản: 布旂於四月初九日夫婦往香跡寺設禮拜謁在寺。中夜宿，夢有神人謂曰。爾家夫婦誠心天已照命選于洪藉俟降英雄國主匡國安民非若塵間凡野之宗。Bố kì ư tứ nguyệt sơ cửu nhật, phu phụ vãng Hương Tích tự thiết lễ bái yết tại tự. Trưng dạ, mộng hữu thần nhân vị viết: Nhĩ gia phu phụ thành tâm thiên dĩ chiếu mệnh tuyền vu hồng tịch hĩ giáng anh hùng chủ, khuông quốc an dân phi nhược trần gian phàm dã chi tông. (Dịch nghĩa: Ngày mùng 09 tháng 04 vợ chồng bà sửa soạn khăn cờ, mũ áo đi viếng thăm chùa Hương Tích. Đến lúc nửa đêm, mộng có thần nhân nói rằng: Gia đình ngươi vợ chồng thành tâm trời đã chiếu mệnh tuyền vào trong sách hồng. Trời đưa xuống cõi tục trần gian làm anh hùng chủ để cứu giúp đất nước và nhân dân được yên ổn.)

Ở trang thứ 8 văn bản ghi: 至初十日丑牌生一生丰姿俊整，骨格異常，形雖孩女相似奇男人。人歡慶固以爲其遵夢

。立於床帳之側故名曰諱側，其俗姆(女呂)，及長曰娘(女氏)，眉如新月，目湛秋波。Chỉ sơ thập nhật Sửu bài sinh nhật sinh phong tư tuấn chỉnh, cốt cách dị thường. Hình hài nữ tương tự kì nam nhân. Nhân hoan khánh cố dĩ vị kì tuấn mộng sở kiến. Lập ư sàng trưởng chi Trắc, cố danh viết hử Trắc, kỳ tục viết A Lã, cập trưởng viết Nàng Đề, mi như tân nguyệt, mục tràm thu ba. (Dịch nghĩa: Đến giờ Sửu, ngày mùng 10 sinh một người con có dung mạo xinh đẹp, cốt cách khác thường. Hình tuy là con gái nhưng lạ giống như con trai. Người mừng rỡ lấy làm lạ và nghĩ đến giấc mộng mà mình đã thấy khi Trắc ngồi ở bên màn. Chờ nên viết tên hử là Trắc, tục gọi bà là A Lã, đến lúc lớn tên là Nàng Đề, lông mày như trăng non, mắt sâu như sóng nước mùa thu).

Như vậy, trong bản Thần tích những mốc thời gian trên chỉ có ngày, tháng không rõ năm xảy ra sự kiện, nhưng những mốc thời gian trên đã góp phần quan trọng vào việc cung cấp những thông tin quý báu về lại lịch, con người và cuộc đời của bà Trưng Trắc cùng chồng là Dương Thi Sách.

2.2. Các nhân vật lịch sử được nói đến trong văn bản

Các nhân vật lịch sử được ghi chép trong văn bản đều là những nhân vật đã từng tồn tại, lưu danh trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam. Chúng tôi chia các nhân vật lịch sử theo 03 giai đoạn: các nhân vật thời Hán Quang Vũ đế; nhân vật thời Lê Thánh Tông (Hồng Đức); và nhân vật thời Nguyễn (Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại).

Bảng 2.3: Bảng thống kê các nhân vật lịch sử

STT	Chữ Hán	Phiên âm	Trang văn bản	Ghi chú
I. Các nhân vật lịch sử thời Hán Quang Vũ Đế				
1.	東漢光武	Đông Hán	3	Tức Hán Quang Vũ Đế phương Bắc.
2.	徵側	Trưng Trắc	4	Tên tục của Trưng Trắc là A Lã Nàng Nương, tên danh là Trưng Trắc, khi lên ngôi xưng Quốc Thiên tử. Bà từng được triều đình tặng tên hử là Quốc vương thiên tử A Lã Nàng Nương Lĩnh Nam Đại vương. Lê Thánh Tông tặng danh hiệu cho bà là Cung phi Hoàng hậu Lĩnh Châu Đại vương. Tên khi cúng tế của bà còn gọi là Bố Bà. Triều vua cuối cùng đời nhà Nguyễn phong bà là Thành hoàng A Lã Nàng Đề Đại vương Hoàng hậu Trưng đế Thánh nữ.
3.	貉將, 名徵義勇, 字福布	Lạc tướng, danh Trưng	5	Trưng Nghĩa Dũng, tự Phúc Bố là Lạc tướng đất Phong Châu, thân phụ của Hai Bà Trưng.

		Nghĩa Dũng, tự Phúc Bô		
4.	黃氏桃	Hoàng Thị Đào	5	Tên thân mẫu của Hai Bà Trưng.
5.	楊太平	Dương Thái Bình	9	Dương Thái Bình là Lạc tướng đất Chu Diên, thân phụ của Dương Thi Sách (chồng Bà Trưng Trắc).
6.	胡氏汝	Hồ Thị Nhữ	9	Tên thân mẫu của Dương Thi Sách.
7.	楊詩索	Dương Thi Sách	9	Chồng bà Trưng Trắc.
8.	蘇定	Tô Định	9	Tô Định người phương Bắc được cử sang làm Thái thú đất Giao Chỉ, là một tên tham lam, bạo ngược, tâu sặc vô độ, hách dịch khiến cho người dân nước Nam oán thán. Ông cũng là người giết Thi Sách và bị Trưng Trắc đuổi giết sau đó xưng vua đất Lĩnh Nam.
9.	馬援	Mã Viện	11	Tướng nhà Đông Hán. Người được nhà Hán cử sang xâm lược nước Nam. Hai Bà Trưng đã đánh nhau với Mã Viện khoảng 150 trận đến đất Lăng Bạc. Sau đó sức yếu nên Hai Bà Trưng đã lui về cửa biển Hát Giang nhảy xuống tự vẫn để bảo toàn trinh tiết.
10.	貳將	Nhị tướng	12	Chi Trung Nhị, em gái Trưng Trắc, là người đã cùng Trưng Trắc tham gia cuộc chiến đấu với chồng kẻ thù phương Bắc.
II. Các nhân vật lịch sử thời Lê Thánh Tông (Hong Đức)				
1.	洪德	Hồng Đức	14	Lê Thánh Tông (1442 – 1497), niên hiệu Hồng Đức (1479).
2.	黎朝禮部尚書管鑒知殿	Lê triều, Lễ bộ Thượng thư, Quản giám tri điện	1	Ông là quan triều Lê, giữ chức Lễ bộ Thượng thư, Quản giám tri điện. Ông là người vâng mệnh vua sao chép lịch sử thời Đông Hán.
III. Các nhân vật lịch sử thời Nguyễn				
1.	嗣德	Tự Đức	17	Tự Đức năm thứ 6 (1853); năm thứ 10 (1857); năm thứ 33 (1880).
2.	同慶	Đồng Khánh	21	Đồng Khánh năm thứ 2 (1887).
3.	維新	Duy Tân	23	Duy Tân năm thứ 3 (1909).
4.	啟定	Khải Định	25	Khải Định năm thứ 9 (1924).
5.	保大	Bảo Đại	1	Bảo Đại năm thứ 13 (1938).

Như vậy, trong văn bản có ghi chép các nhân vật lịch sử thời Hán Quang Vũ Đế, thời Hậu Lê và thời Nguyễn. Văn bản ghi lại các vua Lê, vua Nguyễn đã ban tặng Sắc phong cho Bà Trưng Trắc, ông Thi Sách và dân làng Nại Tử.

Các nhân vật đời Hán Quang Vũ đế được nói đến trong Thần tích như: Đông Hán Quang Vũ, Tô Định, Mã Viện; Cha mẹ Hai Bà Trưng (là Trưng Nghĩa Dũng và Hoàng Thị Đào); Trưng Trắc và Trưng Nhị; Bố mẹ chồng Trưng Trắc (là Dương Thái Bình và Hồ Thị Nhữ) và

Dương Thi Sách, chồng của Bà Trưng Trắc.

Ngoài ra, ở Sắc phong thứ 7 có nói đến nhân vật Thượng thư Bộ Lễ, kiêm Quản giám tri điện, triều Lê là người đã ghi chép Ngọc phả Bắc thuộc Đông Hán. Căn cứ lịch sử triều Lê, thì có thể nhân vật được nhắc tới trong văn bản chính là Ngô Sĩ Liên (sống vào thế kỉ 15), là một nhà sử học thời Lê. Ông là người có công lớn trong việc biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư được lưu truyền tới ngày nay.

Những nhân vật lịch sử được ghi chép trong

văn bản không chỉ góp phần tạo nên giá trị các bản Thần tích, Sắc phong, mà còn góp phần tạo nên giá trị lịch sử của văn bản. Hơn nữa, từ nội dung câu chuyện trong Thần tích cho đến những bản Sắc phong thời Lê, Nguyễn đã một lần nữa khẳng định ý chí đấu tranh, niềm tự hào dân tộc của một nền văn hiến lâu đời trong lịch sử Việt Nam.

3. Kết luận

Những nội dung liên quan đến văn bản Nại Tử xã thần miếu sự tích đã được khảo sát, thống kê qua các vấn đề: thời gian ghi chép trong văn bản (thời gian ban Sắc phong; thời gian trong Thần tích); các nhân vật lịch sử được ghi chép trong văn bản (từ thời Hán Quang Vũ Đế, thời Lê Thánh Tông cho đến các đời vua triều Nguyễn) đã cung cấp cho chúng ta một cái nhìn mới về lai lịch, cuộc đời và công cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù phương Bắc của Hai Bà Trưng.

Những mốc thời gian và nhân vật lịch sử còn góp phần làm nên giá trị văn hóa, văn bản học... của văn bản. Qua phân tích văn bản cho thấy sự trân trọng, lòng biết ơn đối với các nhân vật lịch sử thời quá khứ của các triều đại nhà Hậu Lê, nhà Nguyễn. Những bảng thống kê trong bài viết khá rõ ràng về nội dung nghiên cứu, tính chính xác qua các trang văn bản. Chính vì vậy, bài viết sẽ cung cấp những thông tin quan trọng cho những công trình nghiên cứu

khác liên quan đến văn bản.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban chấp hành Đảng bộ xã Chiềng Khương (2006), Lịch sử Đảng bộ xã Chiềng Khương, Tập I (1945 – 2005), trang 11.
- [2] Lê Văn Minh, Lò Ngọc Diệp (2020), Sắc phong triều Nguyễn tại đền thờ Hai Bà Trưng ở xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Kỷ yếu Hội thảo, Nghiên cứu Hán Nôm năm 2020, Nxb Thế Giới, trang 143-153.
- [3] 柰子社神廟事跡, bản lưu tại đền thờ Hai Bà Trưng, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.
- [4]https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A1n_n_Quang_V%C5%A9_%C4%90%E1%BA%BF
- [5]https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi_S%C3%A1ch
- [6]https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0ng_Tr%E1%BA%AFc
- [7] <http://vansu.vn/viet-nam/viet-nam-nhan-vat/2058/thi-sach>.
- [8]https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4_S%C4%A9_Li%C3%AAn
- [9] Đại Việt sử ký toàn thư (2009), dịch giả Cao Huy Giu, Nxb Văn học.

RESEARCH THE CHRONOLOGY AND HISTORICAL CHARACTERS IN THE TEXT “NAI TU XA THAN MIEU SU TICH” 柰子社 神廟事跡

Nguyen Dieu Huyen
Tay Bac University

ABSTRACT: The text “Nai Tu xa than miếu sự tích” 柰子社神廟事跡 contains records related to many characters and historical eras: from the Bac thuoc Dong Han Dynasty – Han Quang Vu (25 - 57), the Hai Ba Trung Dynasty (40 - 43), the Hau Le Dynasty – Le Thanh Tong (1460 - 1497), to the Bao Dai Dynasty. (1925 - 1945) was the last king of the Nguyen Dynasty. From the dates and historical figures researched, we have more information about the background, life and struggle against the Northern enemies of Hai Ba Trung; see the respect and gratitude for past historical figures of the Later Le and Nguyen dynasties. The dates and characters mentioned are confirmation of the historical, cultural, literary... value of the text.

Keywords: Delegation, historical figures, texts, doctrine of the legend, the legend of Nai Tu commune.